TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2023/DS-PT
Ngày: 29/6/2023
V/v *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Lương
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt
Ông Phạm Văn Tỉnh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2023/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1648/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B;

Địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Huỳnh Minh T, sinh năm: 1977 - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thụy Cẩm T, sinh năm: 1997; Nơi cư trú: ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

2. Bị đơn:

- Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm: 1965;

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1966;

Cùng nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1 và bà T1: Ông Lê Hữu T2, sinh năm: 1984; Nơi cư trú: ấp A, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn T3 – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T3, Địa chỉ: Khu phố B, Phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

** Người kháng cáo:*

- Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2022, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bà Lê Thụy Cẩm T trình bày:

Ngày 01/01/2018, Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B và khách hàng cá nhân là vợ chồng ông T1 và bà T1 có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi số: 075-073/2018/HĐMB về việc Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B sẽ bán mặt hàng là thức ăn chăn nuôi mang nhãn hiệu B cho ông T1 và bà T1 để ông bà sử dụng cho mục đích chăn nuôi của hộ gia đình ông bà, thỏa thuận bên mua thanh toán tiền hàng trước khi nhận hàng bằng hình thức tiền mặt hay chuyển khoản. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2019. Quá trình thực hiện hợp đồng Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B đã giao hàng cho phía ông T1 và bà T1 đúng như thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên trong thời gian thực hiện hợp đồng ông T1, bà T1 gặp khó khăn nên phát sinh nợ lại tiền hàng. Đến ngày 31/01/2019 thì ông T1 và bà T1 ngưng nhập hàng và không tiếp tục thực hiện hợp đồng. Tính đến ngày 28/2/2019 thì tổng số tiền mà ông T1 và bà T1 còn nợ bên phía Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B số tiền là 807.282.952 đồng, ông T1 có ký xác nhận đúng số nợ vào ngày 16/3/2019. Kể từ khi ông T1 và bà T1 ngưng giao dịch thì Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B đã nhiều lần ra thông báo thu hồi nợ gửi đến nhà ông T1 và bà T1 nhưng ông T1 và bà T1 không thanh toán nợ đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tính đến ngày 31/5/2022 thì bên phía ông T1 và bà T1 đã thanh toán cho Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B được tổng số tiền là 257.317.538 đồng, hiện nay còn nợ lại số tiền là 549.965.414 đồng. Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B đã nhiều lần gửi thông báo thu hồi nợ nhưng phía ông T1 và bà T1 cố tình né tránh nghĩa vụ và không thực hiện.

Do đó, Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn T1 và bà Nguyễn Thị T1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B số tiền nợ gốc là 549.965.414 đồng và

lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 16/3/2019 đến ngày 16/3/2023 với số tiền là 219.106.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và lãi là 769.071.414 đồng.

Trong quá trình tố tụng ông Huỳnh Văn T1 trình bày như sau:

Theo biên bản hòa giải ngày 28/02/2023 ông T1 cho rằng: ông và bà T1 là vợ chồng hợp pháp, vợ chồng ông có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi số: 075-073/2018/HĐMB với Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B. Ông thừa nhận vợ chồng ông có nợ của Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B số tiền nợ gốc là 549.965.414 đồng và đồng ý sẽ trả cho Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B số tiền trên và đồng ý trả lãi theo mức lãi suất 0,83%/ tháng tính từ ngày 16/3/2019 đến ngày 28/02/2023 với số tiền 209.976.500 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 759.941.914 đồng, ông T1 và bà T1 đã thống nhất lập biên bản hòa giải thành các nội dung nêu trên. Tuy nhiên, đến ngày 03/3/2023 ông T1 và bà T1 có văn bản thay đổi ý kiến với nội dung chỉ đồng ý trả tiền nợ gốc, không đồng ý trả tiền lãi và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị T1 trình bày như sau: Bà thống nhất lời trình bày của ông T1, bà đồng ý cùng ông T1 liên đới trả cho Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B số tiền nợ gốc là 549.965.414 đồng, yêu cầu được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Hữu T2 trình bày như sau:

Đối với yêu cầu của Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B về việc yêu cầu ông T1 và bà T1 liên đới trả số tiền thức ăn còn thiếu là 549.965.414 đồng, ông T1 và bà T1 đồng ý.

Đối với yêu cầu tính lãi: Ông thừa nhận ông T1 và bà T1 có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi với Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B. Ngày 28/02/2019 thì ông T1 và bà T1 ngừng lấy thức ăn do heo bị dịch bệnh tai xanh chết nên ngày 16/3/2019 ông T1 đã ký đối chiếu công nợ với Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B. Qua nhiều lần đối chiếu công nợ thì Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B không có tính lãi trong bản đối chiếu công nợ nên ông T1 và bà T1 chỉ đồng ý trả lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 28/02/2023 đến ngày 16/3/2023.

Hình thức trả: Ông T1 và bà T1 yêu cầu được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi tất nợ vì hoàn cảnh gia đình ông T1 đang gặp khó khăn, ông T1 bệnh nặng.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện M đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2023/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B, cụ thể tuyên:

Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Huỳnh Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B tổng số tiền thức ăn còn thiếu là 769.071.414 đồng, trong đó: tiền vốn là 549.965.414 và tiền lãi là 219.106.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/4/2023 bị đơn ông Huỳnh Văn T1 nộp đơn kháng cáo với nội dung như sau:

+ Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận phần tiền lãi tính từ ngày 16/3/2019 đến ngày 16/3/2023, với số tiền là 219.106.000 đồng, do lần cuối ông T1 trả nợ cho nguyên đơn là ngày 31/3/2023.

+ Yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giảm án phí cho ông vì hiện tại gia đình ông T1 gặp khó khăn về kinh tế và có xác nhận của UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa lại thời gian tính lãi từ ngày 31/12/2022 đến ngày 16/3/2023 và yêu cầu giảm 50% số tiền án phí cho bị đơn vì hiện tại gia đình bị đơn đang gặp khó khăn về kinh tế.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không đồng ý nội dung kháng cáo của bị đơn về số tiền lãi. Sau khi Toà án xét xử sơ thẩm, bị đơn đã trả thêm được số tiền gốc là 35.000.000 đồng nên nay nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là 35.000.000 đồng. Do đó, tại phiên toà hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc

là 514.965.414 đồng, đối với số tiền lãi thì giữ nguyên quan điểm như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc là 35.000.000 đồng. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 514.965.414 đồng và tiền lãi là 219.106.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn T1 trong thời hạn luật định và đúng qui định của pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn T1 đối với số tiền lãi tính từ ngày 31/12/2022 đến ngày 16/3/2023, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 28/02/2019, bị đơn ông Huỳnh Văn T1 và bà Nguyễn Thị T1 đã đơn phương chấm dứt hợp đồng mua bán thức ăn với Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B và tại bản đối chiếu công nợ thể hiện ông Huỳnh Văn T1 đã đối chiếu và thống nhất số nợ vào ngày 16/3/2019, với nội dung ông T1 thừa nhận còn nợ lại số tiền của Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B là 807.282.952 đồng. Đến ngày 31/5/2022 thì ông T1 và bà T1 đã thanh toán cho Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B được tổng số tiền là 257.317.538 đồng, ông T1, bà T1 còn nợ lại số tiền là 549.965.414 đồng nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng và thời gian tính lãi từ ngày 16/3/2019 đến ngày 16/3/2023 là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, cụ thể: 549.965.414 đồng x 0,83%/tháng x 48 tháng = 219.106.000 đồng là đúng quy định pháp luật nên kháng cáo của ông T1 là không có cơ sở.

[3] Tại phiên toà hôm nay các bên đương sự thống nhất nội dung: Sau khi Toà án xét xử sơ thẩm thì ông T1, bà T1 đã trả cho Hợp tác xã chế biến Thức ăn chăn nuôi B số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng. Đồng thời, tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là 35.000.000 đồng. Do đó, số tiền gốc mà ông T1, bà T1 phải có

trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn là 514.965.414 đồng. Đồng thời, ông T1, bà T1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền lãi như đã phân tích ở trên là 219.106.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 734.071.414 đồng

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn T1 về việc giảm số tiền án phí: Tại đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn ngày 13/3/2023 của ông Huỳnh Văn T1 (có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre) thể hiện: Ông T1 chăn nuôi nhiều năm bị thua lỗ nên còn nhiều khoản nợ, đồng thời hiện tại ông đang bị bệnh hiểm nghèo không đủ sức lao động, bà T1 có công việc không ổn định, thu nhập bấp bênh, hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên ông T1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm tiền án phí cho gia đình ông. Xét thấy: Hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn của ông T1 và bà T1 thuộc trường hợp quy định tại Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nội dung kháng cáo này là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Huỳnh Văn T1 kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông T1 đối với yêu cầu giảm số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên toà là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[8] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Huỳnh Văn T1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2023/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre,

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B, cụ thể tuyên:

Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Huỳnh Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B tổng số tiền thức ăn còn thiếu là 734.071.414 (bảy trăm ba mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi mốt nghìn, bốn trăm mười bốn) đồng, (trong đó: tiền vốn là 514.965.414 đồng và tiền lãi là 219.106.000 đồng)

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B về việc buộc bị đơn ông Huỳnh Văn T1 và bà Nguyễn Thị T1 phải trả số tiền gốc là 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Huỳnh Văn T1 và bà Nguyễn Thị T1 phải liên đới chịu là 33.363.000 (ba mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn) đồng. Tuy nhiên, ông T1, bà T1 được giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm, do đó ông T1, bà T1 phải liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.681.500 (mười sáu triệu, sáu trăm tám mươi mốt nghìn, năm trăm) đồng.

- Hoàn trả cho Hợp tác xã chế biến thức ăn chăn nuôi B số tiền tạm ứng án phí là 20.001.000 (hai mươi triệu, không trăm lẻ một nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001023 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn T1 không phải chịu. Hoàn lại cho ông T1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004665 ngày 03/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi ành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre ;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Phòng KTNV và THA; VP
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hữu Lương